TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 10/10/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lê Văn Tàu;
2. Bà Hoàng Thị Hải.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/ HNGĐ -ST, ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa: 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện C, tỉnh G (có mặt).
- *Bị đơn*: Anh Từ Trung V, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện C, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Từ Trung V tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 09/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 06/2013, anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu chỉ là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tự bỏ qua cho nhau chung sống bình thường. Đến năm 2017, anh chị đi làm ăn ở Sài Gòn thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, anh V hay nghi ngờ chị không chung thủy, có lần còn hành hung

chị, từ cuối năm 2017 vợ chồng chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: chị và anh V có một con chung là Từ Minh T, sinh ngày 19/6/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị C không có yêu cầu gì thêm.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Từ Trung V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 09/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn không đến mức ly hôn. Nay chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: anh và chị C có 01 con chung Từ Minh T, sinh ngày 19/6/2013.

Vì không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh V không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Từ Trung V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Từ Trung V tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn vào ngày 09/12/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị C cho rằng do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2017, anh chị đi làm ăn ở Sài Gòn, anh V hay nghi ngờ chị không chung thủy, có lần còn hành hung chị, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Còn anh V cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Xét lời khai của chị C phù hợp với lời khai của anh V và các tài liệu, chứng cứ khác mà Toà án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh V là có thật, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị C vẫn khăng khăng xin ly hôn, do đó nếu có cho anh chị tiếp tục hôn nhân thì cũng sẽ không đem lại hạnh phúc cho đôi bên.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: Giữa chị C và anh V có một con chung là Từ Minh T, sinh ngày 19/6/2013.

Ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, còn anh V không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì.

Xét nguyện vọng này của chị C thì thấy rằng: chị C có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị C.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị C không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Từ Trung V.

Về con chung: Giao con chung Từ Minh T, sinh ngày 19/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Từ Trung V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị C đã nộp trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002425 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngàyTòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND xã T;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa